TÒA ÁN DÂN DÂN **HUYỆN Y – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2018/HNGĐ - ST	*YM, ngày 13 tháng 3 năm 2018 .*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ váo hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST/HNGĐ ngày 26/02/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị V – sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 – Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu mộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 5/3/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 5/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp lật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Ngọc D sinh ngày 23/12/2000 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C mỗi tháng là

2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu Nguyễn Vũ Ngọc D đủ 18 tuổi.

Chị V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu D được chung sống với anh C. Chị V có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Anh C và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh C có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền chị V chậm trả thì chị V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và công nợ: chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn C đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Vũ Thị V nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị V phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí chị V phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); tại biên lai số AA/2016/0001940 ngày 26/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Yên Mô*
- *Phòng KTNV;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Mô*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Yên Thắng*
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa